

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được bãi bỏ và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị nông thôn, kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quy hoạch – Kiến trúc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được bãi bỏ và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn tại mục 4 Phần I và mục 4 Phần II của Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-BXD ngày 21/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiến trúc tại mục A.1, B.1, B.3, B.4, B.5, B.6 Phần I và các số thứ tự I.1, II.1, II.3, II.4, II.5, II.6 Phần II của Thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng kèm theo Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Số thứ tự 1,3,4,5,6 Phần I và số thứ tự 1,3,4,5,6 Phần II của Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây

dựng ban hành kèm theo Quyết định số 164/QĐ-BXD ngày 05/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Thủ trưởng các vụ, cục, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Bộ, Trung tâm CNTT;
- Cổng thông tin điện tử BXD;
- Lưu: VT, QHKT^(ntk).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Tường Văn

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BÃI BỎ VÀ SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN,
KIẾN TRÚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ VÀ SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG**

I.1. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
I. Lĩnh vực kiến trúc				
Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
4	1.008992	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh

I.2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
I. Lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn				
1	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập được giao quản lý khu chức năng, cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý khu chức năng.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
II. Lĩnh vực kiến trúc				
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương				
1	1.008881	Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng	Bộ Xây dựng
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.008891	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh
2	1.008990	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh
3	1.008991	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
4	1.008993	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng	Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy hoạch hoặc hồ sơ điều chỉnh quy hoạch đã được thẩm định đến cấp phê duyệt quy hoạch.

- Cấp phê duyệt căn cứ Tờ trình, hồ sơ quy hoạch hoặc hồ sơ điều chỉnh quy hoạch và báo cáo thẩm định để xem xét, phê duyệt quy hoạch hoặc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Thuyết minh và bản vẽ trong hồ sơ quy hoạch hoặc hồ sơ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn sau khi được phê duyệt được cơ quan thẩm định kiểm tra, đóng dấu xác nhận.

b) Đối với quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết được lập theo quy trình rút gọn):

- Nhà đầu tư gửi văn bản kèm theo hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng đến cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền để đề nghị chấp thuận;

- Trước khi gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng, nhà đầu tư phải thực hiện việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan (nếu có) về nội dung quy hoạch;

- Cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền xem xét, ban hành văn bản chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công của địa phương, hoặc trực tuyến (nếu có), hoặc dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn:

- Thành phần hồ sơ theo quy định về hồ sơ trình phê duyệt tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD:

+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn;

+ Báo cáo thẩm định quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn của cơ quan thẩm định.

+ Hồ sơ bản giấy: Thuyết minh; Dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch; Các văn bản, tài liệu liên quan; Bản vẽ.

+ Hồ sơ điện tử: Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ quy hoạch bản giấy; Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử; Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Đối với quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết được lập theo quy trình rút gọn):

- Thành phần hồ sơ theo quy định về hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD:

+ Văn bản của nhà đầu tư gửi cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền đề nghị chấp thuận.

+ Hồ sơ bản giấy: Thuyết minh; Các văn bản, tài liệu liên quan; Bản vẽ.

+ Hồ sơ điện tử: Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng bản giấy; Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử; Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Đối với quy hoạch tổng mặt bằng: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

- Ủy ban nhân dân cấp xã đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã.

- Cơ quan, tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập được giao quản lý khu chức năng, cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý khu chức năng.

b) Đối với quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết được lập theo quy trình rút gọn):

Cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch; Văn bản chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng.

1.8. Lệ phí, phí (nếu có): Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình theo mẫu số 07 Phụ lục III Thông tư số 43/2025/TT-BXD.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15;

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Mẫu số 07.**Tờ trình phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn**

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
BAN HÀNH VĂN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../TTr-...[1]...

...[3]..., ngày...tháng...năm...

TỜ TRÌNH**Phê duyệt quy hoạch ...[2]...**

Mã số thông tin quy hoạch: ...[một dãy số gồm 12 ký tự số]...

Kính gửi: ... [Cơ quan, tổ chức, cá nhân phê duyệt quy hoạch]...

Căn cứ:

...[Liệt kê đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và các văn bản pháp luật khác có liên quan (nếu có)]...

I. QUÁ TRÌNH LẬP QUY HOẠCH

...[Nêu các mốc thời gian, nội dung công việc đã triển khai của cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch từ thời điểm Nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến thời điểm có Tờ trình phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn.]...

II. VIỆC LẤY Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**1. Trong quá trình lập quy hoạch**

...[Nêu quá trình việc tổ chức lấy ý kiến; việc tiếp thu, giải trình của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đã đối với các ý kiến được góp ý bằng văn bản trong quá trình lập quy hoạch.]...

2. Trong quá trình thẩm định quy hoạch

...(Nêu quá trình việc tổ chức lấy ý kiến; làm rõ về việc tiếp thu, giải trình của cơ quan tổ chức lập quy hoạch đối với: các ý kiến đã được góp ý bằng văn bản trong quá trình thẩm định quy hoạch, ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và ý kiến Kết luận của Hội đồng thẩm định; giải trình, làm rõ về các kiến nghị khác (nếu có) trong Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch)...

3. Tổng hợp các nội dung thay đổi giữa hồ sơ trình phê duyệt so với hồ sơ trình thẩm định

...[Nêu rõ lý do, phân tích, đánh giá các nội dung thay đổi giữa hồ sơ trình phê duyệt so với hồ sơ trình thẩm định]...

III. NỘI DUNG TRÌNH PHÊ DUYỆT

Sau khi hoàn thiện hồ sơ theo quy định, ...[*Cơ quan tổ chức lập quy hoạch*]... đề nghị ...[*Cơ quan, tổ chức, cá nhân phê duyệt quy hoạch*]... phê duyệt quy hoạch ...[2]... với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

...[*Mô tả chi tiết phạm vi địa lý và ranh giới cụ thể của khu vực lập quy hoạch (có thể kèm theo tọa độ, mô tả vị trí địa lý); Xác định tổng diện tích lập quy hoạch (ví dụ: km² hoặc ha); Xác định thời hạn cho giai đoạn ngắn hạn và dài hạn của quy hoạch*]...

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

...[*Xác định tư tưởng chủ đạo, định hướng chính của quy hoạch; nêu các mục tiêu cụ thể mà quy hoạch hướng tới, bao gồm cả mục tiêu dài hạn và ngắn hạn, về phát triển kinh tế-xã hội, không gian, hạ tầng, môi trường .v.v.*]...

3. Tính chất/chức năng/vai trò

...[*Xác định vai trò, chức năng chính của khu vực lập quy hoạch (ví dụ: là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa; là khu du lịch quốc gia; là khu sản xuất công nghiệp, v.v.)*]...

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

...[*Nêu rõ căn cứ để: Dự báo về dân số, lao động, khách du lịch (nếu có); xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được của các nội dung quy hoạch cho từng loại quy hoạch, các giai đoạn quy hoạch*]...

5. Các nội dung chính của quy hoạch

...[*Nêu rõ các nội dung trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt phù hợp với các nội dung theo từng loại quy hoạch, cấp độ, tỷ lệ bản đồ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt*]...

6. Các nội dung về tổ chức thực hiện

...[*Nêu rõ căn cứ để: Xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thực hiện quy hoạch gồm: kiểm tra, đóng dấu thẩm định và lưu trữ; lưu trữ hồ sơ; tổ chức công bố công khai quy hoạch; xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện; giám sát xây dựng theo quy hoạch và các hình thức tổ chức thực hiện khác theo yêu cầu riêng của từng quy hoạch được phê duyệt*]...

IV. KIẾN NGHỊ

1. ...[*cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch*]... xác nhận quy hoạch ...[2]... đủ điều kiện trình ...[*cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phê duyệt quy hoạch*]... phê duyệt, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trình phê duyệt.

2. Nêu các kiến nghị khác đối với các nội dung bảo lưu của ...[*cơ quan tổ chức lập quy hoạch*]... đối với các ý kiến chưa thống nhất với của Hội đồng thẩm định, Báo cáo kết quả thẩm định quy hoạch (nếu có).

(Có Phụ lục tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia, các ý kiến thẩm định; hồ sơ quy hoạch và các văn bản liên quan kèm theo)

Nơi nhận:

- ...[3]...;
-;
-;
- Lưu:

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(*Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức*)

...[3]...

Họ và tên

Ghi chú:

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành văn bản.

[2] Tên gọi rõ ràng, chính xác của quy hoạch; phản ánh loại quy hoạch và đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phù hợp với Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

[3] Thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật hiện hành về công tác văn thư.

II. Lĩnh vực kiến trúc

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

1. Thủ tục công nhận tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

1.1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Xây dựng.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Xây dựng kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ và tiếp nhận, chuyển cho đơn vị giải quyết thủ tục hành chính.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Bộ Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đối với trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Xây dựng có trách nhiệm ban hành Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

- Tổ chức đăng ký nhận kết quả thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Xây dựng

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định, Bộ Xây dựng đăng tải Quyết định trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

1.2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Xây dựng.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

- Bản thuyết minh về khả năng đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật Kiến trúc.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức xã hội – nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo có lĩnh vực hoạt động kiến trúc.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

1.8. Lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện sát hạch theo mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Bảo đảm yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Luật Kiến trúc có lĩnh vực hoạt động liên quan đến hoạt động kiến trúc; có đầy đủ nhân lực, cơ sở vật chất phục vụ tổ chức sát hạch;

- Đáp ứng yêu cầu cơ sở vật chất phục vụ sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc bằng hình thức trực tiếp theo các nội dung tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc trong trường hợp tổ chức sát hạch trực tiếp;

- Đáp ứng yêu cầu quản lý, yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, phần mềm sát hạch trực tuyến theo quy định tại khoản 3b, khoản 3c Điều 25 của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP trong trường hợp tổ chức sát hạch trực tuyến;

- Cơ sở đào tạo về kiến trúc từ bậc đại học trở lên.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng.

- Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc.

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỔ CHỨC XÃ HỘI – NGHỀ NGHIỆP,
CƠ SỞ NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN
SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**
(Mẫu số 01, Phụ lục III ban hành theo Nghị định số: 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Công nhận tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo
đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Tên tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo:

.....

Địa chỉ:

Quyết định cho phép thành lập số:.....ngày cấpCơ quan cấp:

Quyết định phê duyệt/ ban hành điều lệ hoạt động:

Số:ngày cấp..... Cơ quan cấp:

Mục đích, lĩnh vực hoạt động:

Phạm vi hoạt động:

Số lượng thành viên:

Đề nghị công nhận là tổ chức đủ điều kiện thực hiện sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc

1.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc;

- Cá nhân đăng ký nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại địa điểm nộp hồ sơ.

1.2. Cách thức thực hiện:

Cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu kèm theo Quyết định này;
- 02 ảnh màu nền trắng cỡ 4 x 6 cm được chụp không quá 06 tháng;
- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao bằng đại học phù hợp với nội dung chứng chỉ đề nghị cấp; đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải có bản dịch sang tiếng Việt, được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam và xuất trình bản chính để đối chiếu;
- Kết quả sát hạch đạt yêu cầu còn hiệu lực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hoạt động kiến trúc trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

1.8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ, theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu đơn kèm theo Quyết định này

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có trình độ đại học trở lên trong lĩnh vực kiến trúc;
- Có kinh nghiệm tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc tối thiểu 03 năm tại tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân (Cá nhân đạt giải thưởng kiến trúc quốc gia hoặc giải thưởng quốc tế được miễn điều này);
- Đạt yêu cầu sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc (Cá nhân có thời gian liên tục từ 10 năm trở lên trực tiếp tham gia quản lý nhà nước về kiến trúc, đào tạo trình độ đại học trở lên về lĩnh vực kiến trúc, hành nghề kiến trúc được miễn điều kiện này).

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN**ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

(Mẫu số 02, Phụ lục III ban hành theo Nghị định số: 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**CẤP/GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:....., ngày cấp: .../.../....., nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú:.....
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:,.....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp / gia hạn chứng chỉ hành nghề:năm.....
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: Nhóm dự án:..... Loại công trình: Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:... 2.....	
2				
...				

12. Quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục (điểm CPD)^(*)

STT	Thời gian	Hoạt động Phát triển nghề nghiệp liên tục	Điểm CPD	Ghi chú
1	Năm.....	Viết bài trên tạp chí kiến trúc số.....	01	
2	Năm.....	Tham gia học cao học	01	
		Tổng số điểm CPD tích lũy	20	

Đề nghị cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**Xác nhận của cơ quan,
tổ chức, đơn vị công tác ^(**)**
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh/thành phố, ngày...../...../.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

(*) Trường hợp xin cấp chứng chỉ không kê khai mục này.

(**) Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này.

2. Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp

2.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo một lần bằng văn bản hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu kèm theo Quyết định này;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp và phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hành nghề trong lĩnh vực kiến trúc.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

2.8. Phí, lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu kèm theo Quyết định này.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC
BỊ GHI SAI DO LỖI CỦA CƠ QUAN CẤP

(Mẫu số 03, Phụ lục III ban hành theo Nghị định số: 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

- 01. Họ và tên:.....
 - 02. Ngày, tháng, năm sinh:.....
 - 03. Quốc tịch:.....
 - 04. Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:....., ngày cấp: .../.../....., nơi cấp:.....
 - 05. Địa chỉ thường trú:.....
 - 06. Số điện thoại:....., Địa chỉ email:.....
 - 07. Đơn vị công tác:.....
 - 08. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):.....
 - 09. Số Chứng chỉ hành nghề đã được cấp:
Số Chứng chỉ hành nghề:....., ngày cấp:.../.../....., nơi cấp.....
Lĩnh vực hoạt động:.....
- Đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:
- Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:.....
- Chứng chỉ bị mất, hỏng, rách.
 - Sai thông tin trên chứng chỉ.
 - Khác:
- Xin điều chỉnh thông tin ghi trên chứng chỉ:

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung của đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

3. Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

3.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo một lần bằng văn bản hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ;
- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo mẫu kèm theo Quyết định này;
- 02 ảnh màu, nền trắng, cỡ 04 x 06 cm chân dung của người đề nghị được chụp không quá 06 tháng;
- Văn bản xác nhận của tổ chức xã hội nghề nghiệp, cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu về kiến trúc về việc tham gia hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục. Trường hợp tham gia các hoạt động phát triển nghề nghiệp liên tục tại nước ngoài thì cần có văn bản, chứng chỉ hoặc tài liệu chứng minh việc đã tham gia hoạt động đó, được dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;
- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp và phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân hành nghề trong lĩnh vực kiến trúc.

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

3.8. Phí, lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ, theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu kèm theo Quyết định này.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Đảm bảo phát triển nghề nghiệp liên tục theo quy định;
- Không vi phạm Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN**ĐỀ NGHỊ GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

(Mẫu số 02, Phụ lục III ban hành theo Nghị định số: 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**CẤP/GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Căn cước công dân/Hộ chiếu:....., ngày cấp: .../.../....., nơi cấp:.....
5. Địa chỉ thường trú:.....
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:,.....
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp / gia hạn chứng chỉ hành nghề:năm.....
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: Nhóm dự án/:..... Loại công trình: Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:... 2.....	
2				
...				

12. Quá trình phát triển nghề nghiệp liên tục (điểm CPD)^(*)

STT	Thời gian	Hoạt động Phát triển nghề nghiệp liên tục	Điểm CPD	Ghi chú
1	Năm.....	Viết bài trên tạp chí kiến trúc số.....	01	
2	Năm.....	Tham gia học cao học	01	
		Tổng số điểm CPD tích lũy	20	

Đề nghị cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**Xác nhận của cơ quan,
tổ chức, đơn vị công tác (**)**
(Ký, đóng dấu)

Tỉnh/thành phố, ngày...../...../.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

(*) Trường hợp xin cấp chứng chỉ không kê khai mục này.

(**) Cá nhân tham gia hành nghề độc lập không phải lấy xác nhận này.

4. Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam

4.1. Trình tự thực hiện:

- Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo một lần bằng văn bản hướng dẫn tới cá nhân đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ra văn bản chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam.

4.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn về kiến trúc cấp tỉnh.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo mẫu kèm theo Quyết định này;

- 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng (ảnh) chân dung của cá nhân đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

- Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao có chứng thực chứng chỉ hành nghề đã được cấp và phải xuất trình bản chính chứng chỉ hành nghề để đối chiếu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân là người nước ngoài hành nghề kiến trúc ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên.

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài hành nghề kiến trúc tại Việt Nam.

4.8. Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ, theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu theo Quyết định này.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, tham gia dịch vụ kiến trúc ở Việt Nam.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

MẪU ĐƠN
ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN, CHUYÊN ĐỔI
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

(Mẫu số 04, Phụ lục III ban hành theo Nghị định số: 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN, CHUYÊN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Hộ chiếu số:ngày cấp:nơi cấp.....
5. Số điện thoại:
6. Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm, tháng):
10. Chứng chỉ hành nghề số:.....ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động:
11. Thời hạn:
12. Quá trình hoạt động chuyên môn kiến trúc:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án / đồ án: Nhóm dự án/:..... Loại công trình: Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:... 2.....	
2				
...				

Đề nghị công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc với các nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề kiến trúc theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)